

Số: *133* /TB-UBND

Krông Búk, ngày *29* tháng 6 năm 2020

THÔNG BÁO

Kết quả trúng tuyển và hoàn thiện hồ sơ đối với thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển đặc cách và xét tuyển không đặc cách vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Krông Búk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển đặc cách đối với giáo viên đã có hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2015 trở về trước trên địa bàn huyện Krông Búk;

Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-SNV ngày 24/6/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển viên vào làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Krông Búk năm 2019.

1. Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk thông báo kết quả trúng tuyển đối với 119 thí sinh (gồm: 48 thí sinh đặc cách và 71 thí sinh không đặc cách) tham dự kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Krông Búk. (Có danh sách kèm theo);

2. Thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Krông Búk (điện đặc cách và không đặc cách) hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển, cụ thể:

2.1. Thành phần hồ sơ

- Lý lịch tự thuật (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền) trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ trúng tuyển;
- Bản sao Giấy Khai sinh;
- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập;
- Giấy Khám sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ trúng tuyển;
- Giấy Chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

Lưu ý:

- Khi nộp hồ sơ trúng tuyển, người trúng tuyển mang theo bản gốc văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập và Giấy ưu tiên (nếu có) để đối chiếu với bản sao;



- Toàn bộ hồ sơ đựng trong túi bằng bì cứng cỡ 24x32cm, ngoài bì ghi rõ Hồ sơ trúng tuyển viên chức năm 2019, vị trí trúng tuyển, số điện thoại và địa chỉ liên hệ.

2.2. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ

Thí sinh trúng tuyển trực tiếp nộp hồ sơ về UBND huyện Krông Búk (qua Phòng Nội vụ huyện Krông Búk) trong giờ hành chính, **từ ngày 06/7/2020 đến ngày 17/7/2020**; địa chỉ: Thôn Nam Thái, xã Chư Kbô, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

3. Để triển khai thực hiện một số nội dung liên quan đến thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức. Ủy ban nhân dân huyện mời các thí sinh trúng tuyển **vào lúc 8 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 7 năm 2020** đến tại Hội trường Trung tâm Văn hóa – Thông tin – Thể thao huyện Krông Búk (trụ sở UBND huyện cũ); Địa chỉ: Thôn 12, xã Pong Drang, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Giao Phòng Nội vụ huyện chuẩn bị tài liệu liên quan để thực hiện việc triển khai đến thí sinh trúng tuyển.

Trên đây là Thông báo kết quả trúng tuyển và hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển. Yêu cầu Phòng Nội vụ huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan và các thí sinh trúng tuyển triển khai, thực hiện./. *Ud*

Nơi nhận: *Ud*

- Sở Nội vụ;
- Báo Đắk Lắk;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng GD&ĐT;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Đài TT – TH huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Các đơn vị trường học trực thuộc;
- Lưu: VT, NV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Mỹ



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
KỲ XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN MẦM NON

(Kèm theo Thông báo số 133 /TB-UBND ngày 29 /6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

Stt	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo				Thuộc đối tượng ưu tiên	Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm	Kết quả
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			Điểm ưu tiên	Kết quả điểm phỏng vấn		
1	MN 01	H' Chá Niê	Nữ	07/03/1992	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh A	A	DTTS	Đạt	5,0	53,0	58,0	Trúng tuyển
2	MN 02	H Di Bion Niê	Nữ	28/07/1987	Ê đê	ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh A2	ƯDCB	DTTS	Đạt	5,0	50,0	55,0	Trúng tuyển
3	MN 03	H Điệp Niê	Nữ	22/06/1993	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCB	DTTS	Đạt	5,0	53,0	58,0	Trúng tuyển
4	MN 04	Trần Thị Hương Giang	Nữ	14/05/1994	Kinh	ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh A2	ƯDCB	Không	Đạt		54,0	54,0	Trúng tuyển
5	MN 05	H Hồng Khuê	Nữ	02/05/1988	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCB	DTTS	Đạt	5,0	51,0	56,0	Trúng tuyển
6	MN 06	Lãnh Thị Luân	Nữ	03/01/1992	Nùng	ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh B	A	DTTS	Đạt	5,0	51,0	56,0	Trúng tuyển
7	MN 08	Nguyễn Thị Nga	Nữ	25/06/1992	Kinh	ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCB	Không	Đạt		51,0	51,0	Trúng tuyển
8	MN 09	Tạ Thị Thanh Nhân	Nữ	16/03/1994	Kinh	CD	GD Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCB	Không	Đạt		52,0	52,0	Trúng tuyển
9	MN 10	H Nhung Niê	Nữ	06/03/1992	Ê đê	ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh A2	A	DTTS	Đạt	5,0	53,0	58,0	Trúng tuyển
10	MN 11	H Nội Niê	Nữ	23/09/1993	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	B	DTTS	Đạt	5,0	55,0	60,0	Trúng tuyển
11	MN 12	H' Oan Mlô	Nữ	08/09/1989	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCB	DTTS	Đạt	5,0	58,0	63,0	Trúng tuyển
12	MN 13	H Plun Niê	Nữ	25/04/1992	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCB	DTTS	Đạt	5,0	53,0	58,0	Trúng tuyển
13	MN 14	H Sứ Niê	Nữ	05/06/1995	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCB	DTTS	Đạt	5,0	53,0	58,0	Trúng tuyển
14	MN 15	H Sơ Min Ayun	Nữ	05/12/1993	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh A	A	DTTS	Đạt	5,0	56,0	61,0	Trúng tuyển
15	MN 16	Nguyễn Thị Phương Hồng Thủy	Nữ	13/06/1993	Kinh	ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh B	ƯDCB	Không	Đạt		52,0	52,0	Trúng tuyển
16	MN 17	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	29/11/1995	Kinh	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh A2	ƯDCB	Không	Đạt		53,0	53,0	Trúng tuyển

24

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
KỶ XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN MẦM NON

(Kèm theo Thông báo số 133 /TB-UBND ngày 29 /6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

Stt	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo				Thuộc đối tượng ưu tiên	Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm	Kết quả
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			Điểm ưu tiên	Kết quả điểm phỏng vấn		
17	MN 18	Phan Thị Trang	Nữ	25/04/1993	Kinh	ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh A2	UĐCB	Không	Đạt		54,0	54,0	Trúng tuyển
18	MN 19	H Trương Niê	Nữ	14/03/1991	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	UĐCB	DTTS	Đạt	5,0	53,0	58,0	Trúng tuyển
19	MN 20	H Yoi Mlô	Nữ	30/05/1992	Ê đê	TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	UĐCB	DTTS	Đạt	5,0	54,0	59,0	Trúng tuyển

Ưd

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
KỲ XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIỂU HỌC TỔNG HỢP

(Kèm theo Thông báo số 133 /TB-UBND ngày 29 /6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

Stt	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo				Thuộc đối tượng ưu tiên	Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm	Kết quả
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học			Điểm ưu tiên	Kết quả điểm phỏng vấn		
1	TH21	Lê Văn Cảnh	Nam	01/10/1993	Kinh	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDCB	Không	Đạt		72,5	72,5	Trúng tuyển
2	TH22	Lê Mỹ Dung	Nữ	10/10/1995	Kinh	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDCB	Không	Đạt		83,5	83,5	Trúng tuyển
3	TH23	Đặng Phú Dũng	Nam	24/10/1989	Kinh	TC	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDCB	Không	Đạt		69,0	69,0	Trúng tuyển
4	TH24	Hoàng Thái Quỳnh Giang	Nữ	12/12/1989	Kinh	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDCB	Không	Đạt		72,5	72,5	Trúng tuyển
5	TH25	Bùi Thị Hà	Nữ	29/01/1993	Kinh	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Không	Đạt		74,0	74,0	Trúng tuyển
6	TH26	Mai Thị Hà	Nữ	25/08/1989	Kinh	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Không	Đạt		83,0	83,0	Trúng tuyển
7	TH27	H Hậu Mlô	Nữ	25/12/1993	Ê Đê	CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDCB	DTTS	Đạt	5,0	71,0	76,0	Trúng tuyển
8	TH28	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	23/11/1991	Kinh	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDCB	Không	Đạt		73,0	73,0	Trúng tuyển
9	TH29	H Líp Niê	Nữ	19/05/1990	Ê Đê	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDCB	DTTS	Đạt	5,0	71,0	76,0	Trúng tuyển
10	TH30	Chu Thị Sinh	Nữ	30/10/1994	Kinh	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Không	Đạt		75,0	75,0	Trúng tuyển
11	TH31	Trương Đình Tài	Nam	02/12/1990	Kinh	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDCB	Không	Đạt		81,5	81,5	Trúng tuyển
12	TH32	Nguyễn Thị Tình	Nữ	02/06/1990	Kinh	CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDCB	Không	Đạt		80,5	80,5	Trúng tuyển

Ưd

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
KỲ XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

(Kèm theo Thông báo số 433 /TB-UBND ngày 29/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

Stt	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo				Thuộc đối tượng ưu tiên	Vị trí việc làm	Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm	Kết quả
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học				Điểm ưu tiên	Kết quả điểm phỏng vấn		
I		Giáo viên Tiếng Anh tiểu học														
1	TH33	Nguyễn Thị Thanh Quế	Nữ	30/08/1992	Kinh	CĐ	SP Tiếng Anh	Tiếng Trung B	A	Không	GV Tiếng Anh TH	Đạt		61,0	61,0	Trúng tuyển
2	TH34	Trần Thị Như Quỳnh	Nữ	07/03/1990	Kinh	ĐH	SP Tiếng anh	Tiếng Pháp B	B	Không	GV Tiếng Anh TH	Đạt		66,0	66,0	Trúng tuyển
II		Giáo viên Thể dục tiểu học														
1	TH35	Y Khanh Mlô	Nam	01/02/1985	Ê Đê	TC	SP Giáo dục thể chất	Tiếng Anh A	ƯDCB	DTTS	GV Thể dục TH	Đạt	5,0	60,75	65,75	Trúng tuyển
III		Giáo viên Âm nhạc tiểu học														
1	TH36	Dương Thị Châu	Nữ	12/05/1984	Kinh	TC	SP Âm nhạc	Tiếng Anh A	B	Không	GV Âm nhạc TH	Đạt		67,0	67,0	Trúng tuyển
IV		Giáo viên Mỹ thuật tiểu học														
1	TH37	Trương Ngọc Quyển	Nữ	20/09/1990	Nùng	ĐH	SP Mĩ Thuật	Tiếng Anh B	A	DTTS	GV Mĩ Thuật TH	Đạt	5,0	59,0	64,0	Trúng tuyển

VD

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
KỲ XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN THCS

(Kèm theo Thông báo số 433 /TB-UBND ngày 29 /6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

Stt	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Thuộc đối tượng ưu tiên	Vị trí việc làm	Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm	Kết quả
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ	Tin học				Điểm ưu tiên	Kết quả điểm phỏng vấn		
I		Giáo viên Ngữ văn THCS															
1	THCS 01	Trần Thị Bích Hằng	Nữ	04/12/1988	Kinh	ĐH	Ngữ Văn	NVSP	Tiếng Anh B	B	Không	GV Ngữ Văn THCS	Đạt		80,0	80,0	Trúng tuyển
2	THCS 02	Dương Thị Hòa	Nữ	14/06/1990	Kinh	CĐ	SP Ngữ Văn		Tiếng Anh B	ƯDCB	Không	GV Ngữ Văn THCS	Đạt		65,5	65,5	Trúng tuyển
II		Giáo viên Toán THCS															
1	THCS 03	Hoàng Cao Đắc	Nam	01/09/1985	Tày	ĐH	SP Toán		Tiếng Anh B	ƯDCB	DTTS	GV Toán THCS	Đạt	5,0	78,5	83,5	Trúng tuyển
2	THCS 04	Lê Thị Thanh Hằng	Nữ	06/11/1993	Kinh	CĐ	SP Toán		Tiếng Anh B	ƯDCB	Không	GV Toán THCS	Đạt		61,0	61,0	Trúng tuyển
3	THCS 05	Hà Thị Ngọc Mai	Nữ	28/10/1990	Kinh	ĐH	Toán - Tin	NVSP	Tiếng Anh B	ƯDCB	Không	GV Toán THCS	Đạt		80,0	80,0	Trúng tuyển
III		Giáo viên Hóa học THCS															
1	THCS 06	Phan Đăng Thọ	Nam	18/01/1991	Kinh	ĐH	SP Hóa học		TOEIC	B	Không	GV Hóa THCS	Đạt		80,5	80,5	Trúng tuyển
2	THCS 07	Hà Duy Trường	Nam	25/03/1992	Kinh	ĐH	SP Hóa học		Tiếng Anh B1	TC CNTT	Không	GV Hóa THCS	Đạt		79,5	79,5	Trúng tuyển

Vd

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
KỲ XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN THCS

(Kèm theo Thông báo số 133 /TB-UBND ngày 29/6/2020 của UBND huyện Krông Búk)

Stt	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Thuộc đối tượng ưu tiên	Vị trí việc làm	Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm	Kết quả
						Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ	Tin học				Điểm ưu tiên	Kết quả điểm phỏng vấn		
IV		Giáo viên Tin học THCS															
1	THCS 08	Nguyễn Thị Na	Nữ	24/12/1992	Kinh	CD	Khoa học máy tính	NVSP	Tiếng Anh A2	CD	Không	GV Tin học THCS	Đạt		58,5	58,5	Trúng tuyển
2	THCS 09	Lê Thanh Vũ	Nam	20/08/1991	Kinh	ĐH	SP Tin học		Tiếng Anh B	ĐH	Không	GV Tin học THCS	Đạt		71,25	71,25	Trúng tuyển
V		Giáo viên Công nghệ THCS															
1	THCS 10	Võ Tá Hải	Nam	05/04/1988	Kinh	CD	SP kỹ thuật		Tiếng Anh B	ƯDCB	Không	GV Công nghệ THCS	Đạt		59,0	59,0	Trúng tuyển
VI		Giáo viên Mỹ thuật THCS															
1	THCS 12	Phạm Thị Hiền	Nữ	07/07/1990	Kinh	CD	SP Mỹ Thuật		Tiếng Anh B	ƯDCB	Không	GV Mỹ Thuật THCS	Đạt		59,0	59,0	Trúng tuyển
VII		Giáo viên Địa lý THCS															
1	THCS 11	Nguyễn Thị Bích	Nữ	12/05/1988	Kinh	CD	Địa lý - Du lịch	NVSP	Tiếng Anh B	A	Không	GV Địa lý THCS	Đạt		64,5	64,5	Trúng tuyển

Ud

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK NĂM 2019 (DIỆN KHÔNG ĐẶC CÁCH)
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN MẦM NON**

(Kèm theo Thông báo số 133 /TB-UBND ngày 29 tháng 06 năm 2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm	Kết quả
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn		
1	MN017	Nguyễn Thị Bích Hương	Nữ	24/09/1995	Kinh		CD	GD Mầm non	Tiếng Anh B	B	Đạt		83,5	83,5	Trúng tuyển
2	MN027	Lê Thị Tùng Nga	Nữ	14/05/1994	Kinh		TC	GD Mầm non	Tiếng Anh B	U'DTHCB	Đạt		83,5	83,5	Trúng tuyển
3	MN022	Nguyễn Thị Ly	Nữ	19/05/1994	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	U'DTHCB	Đạt		83,25	83,25	Trúng tuyển
4	MN008	Vũ Thị Hải	Nữ	27/09/1991	Kinh		ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh B	U'DTHCB	Đạt		83,0	83,0	Trúng tuyển
5	MN014	Trần Thị Huyền	Nữ	06/02/1996	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh 2/6	U'DTHCB	Đạt		83,0	83,0	Trúng tuyển
6	MN010	Phan Thị Thúy Hằng	Nữ	18/12/1987	Kinh		ĐH	GD Mầm non	Tiếng Anh B	U'DTHCB	Đạt		82,75	82,75	Trúng tuyển
7	MN041	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	23/07/1991	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	B	Đạt		82,5	82,5	Trúng tuyển
8	MN043	Lê Thị Ngọc Thúy	Nữ	07/12/1992	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh 2/6	U'DTHCB	Đạt		82,5	82,5	Trúng tuyển
9	MN045	Phạm Thị Trang	Nữ	14/09/1989	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	U'DTHCB	Đạt		82,5	82,5	Trúng tuyển
10	MN044	Nguyễn Thị Cẩm Thúy	Nữ	15/06/1989	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh 2/6	U'DTHCB	Đạt		82,0	82,0	Trúng tuyển
11	MN007	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	23/07/1994	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	A	Đạt		81,75	81,75	Trúng tuyển
12	MN031	Phạm Thị Hồng Ngọc	Nữ	20/04/1994	Kinh		TC	SP Mầm non	Tiếng Anh B	B	Đạt		81,0	81,0	Trúng tuyển
TỔNG SỐ 12 THÍ SINH															

Ưd

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK NĂM 2019 (DIỆN KHÔNG ĐẶC CÁCH)**

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

(Kèm theo Thông báo số 133 /TB-UBND ngày 29 tháng 06 năm 2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm	Kết quả
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn		
I		Giáo viên Tổng hợp tiểu học													
01	TH TH 087	Nguyễn Bá Hưng	Nam	03/10/1996	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB	Đạt		88,5	88,5	Trúng tuyển
02	TH TH 075	Hoàng Thị Thúy Hạnh	Nữ	19/08/1993	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		88,0	88,0	Trúng tuyển
03	TH TH 113	H Nhung Rằm	Nữ	13/01/1995	Ê Đê	DTTS	ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	Đạt	5,0	82,0	87,0	Trúng tuyển
04	TH TH 085	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	06/09/1998	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	Đạt		86,5	86,5	Trúng tuyển
05	TH TH 062	Lê Văn Dương Mlô	Nam	27/02/1996	Ê Đê	DTTS	CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	Đạt	5,0	81,0	86,0	Trúng tuyển
06	TH TH 116	Nguyễn Thị Lan Phương	Nữ	22/08/1997	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	Đạt		86,0	86,0	Trúng tuyển
07	TH TH 129	Nguyễn Thị Vy Thoa	Nữ	02/11/1997	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB	Đạt		85,0	85,0	Trúng tuyển
08	TH TH 070	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	15/09/1997	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		84,5	84,5	Trúng tuyển
09	TH TH 068	Cao Thị Hà	Nữ	22/06/1994	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		84,5	84,5	Trúng tuyển
10	TH TH 084	Phạm Mạnh Hùng	Nam	07/01/1998	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB	Đạt		84,0	84,0	Trúng tuyển
11	TH TH 094	Trương Thị Linh	Nữ	18/08/1998	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh C	ƯDTHCB	Đạt		84,0	84,0	Trúng tuyển
12	TH TH 106	Lê Thị Bích Ngọc	Nữ	28/11/1995	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	B	Đạt		84,0	84,0	Trúng tuyển
13	TH TH 108	Ngô Thị Ngọc	Nữ	17/09/1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		84,0	84,0	Trúng tuyển
14	TH TH 055	Mai Thị Bích	Nữ	29/07/1992	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		83,5	83,5	Trúng tuyển
15	TH TH 072	Trần Thị Việt Hà	Nữ	02/09/1995	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB	Đạt		83,5	83,5	Trúng tuyển
16	TH TH 073	Đặng Thị Hải	Nữ	02/03/1995	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	Đạt		83,5	83,5	Trúng tuyển
17	TH TH 078	Vũ Thị Mỹ Hạnh	Nữ	10/12/1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	Đạt		83,5	83,5	Trúng tuyển
18	TH TH 091	Nguyễn Đức Linh	Nam	07/07/1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	ƯDTHCB	Đạt		83,5	83,5	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Điện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm	Kết quả
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn		
19	TH TH 103	Phạm Thị Ngân	Nữ	20/09/1997	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh A2	UDTHCB	Đạt		83,5	83,5	Trúng tuyển
20	TH TH 109	Trần Thị Thu Nguyên	Nữ	25/03/1993	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	UDTHCB	Đạt		83,5	83,5	Trúng tuyển
21	TH TH 117	Nguyễn Thị Phương	Nữ	10/10/1995	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		83,5	83,5	Trúng tuyển
22	TH TH 130	Phan Hồng Thơm	Nữ	26/03/1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		83,5	83,5	Trúng tuyển
23	TH TH 139	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	03/08/1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		83,5	83,5	Trúng tuyển
24	TH TH 053	Nguyễn Thế Anh	Nam	11/08/1995	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	B	Đạt		83,0	83,0	Trúng tuyển
25	TH TH 107	Lê Vũ Hồng Ngọc	Nữ	22/08/1996	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		83,0	83,0	Trúng tuyển
26	TH TH 136	Lương Thị Huyền Trang	Nữ	30/12/1995	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		83,0	83,0	Trúng tuyển
27	TH TH 064	Nguyễn Thị Đào	Nữ	21/09/1998	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	UDTHCB	Đạt		82,5	82,5	Trúng tuyển
28	TH TH 092	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	15/05/1993	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		82,5	82,5	Trúng tuyển
29	TH TH 127	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	16/08/1993	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	A	Đạt		82,5	82,5	Trúng tuyển
30	TH TH 061	Nguyễn Thị Hồng Duyên	Nữ	30/11/1995	Kinh		ĐH	GD Tiểu học	Tiếng Anh A2	B	Đạt		82,0	82,0	Trúng tuyển
31	TH TH 093	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	13/08/1997	Kinh		CĐ	GD Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		82,0	82,0	Trúng tuyển
32	TH TH 146	Trương Thị Hồng Vân	Nữ	01/09/1993	Kinh		TC	SP Tiểu học	Tiếng Anh B	B	Đạt		82,0	82,0	Trúng tuyển
II		Giáo viên Âm nhạc tiểu học													
01	AN TH 155	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	12/01/1990	Kinh		CĐ	SP Âm nhạc	Tiếng Anh A2	UDTHCB	Đạt		66,0	66,0	Trúng tuyển
III		Giáo viên Tiếng anh tiểu học													
01	TA TH 162	Lê Thị Thanh Huệ	Nữ	15/03/1996	Kinh	Con TB	ĐH	SP Tiếng Anh	Tiếng Pháp B	UDTHCB	Đạt	5,0	79,0	84,0	Trúng tuyển
02	TA TH 163	Trần Thị Liên	Nữ	14/07/1992	Kinh		ĐH	SP Tiếng anh	Tiếng pháp B	B	Đạt		76,5	76,5	Trúng tuyển
IV		Giáo viên Thể dục tiểu													
01	TD TH 157	Nguyễn Đình Huy	Nam	10/12/1997	Kinh		CĐ	SP GD Thể chất	Tiếng Anh A2	UDTHCB	Đạt		85,2	85,2	Trúng tuyển
TỔNG SỐ 36 THÍ SINH															

VD

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK NĂM 2019 (DIỆN KHÔNG ĐẶC CÁCH)
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ**

(Kèm theo Thông báo số 133 /TB-UBND ngày 29 tháng 06 năm 2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm	Kết quả
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn		
I		Giáo viên Ngữ văn THCS														
01	NV THCS 196	Lê Thị Bình An	Nữ	03/06/1993	Kinh		ĐH	Văn học	Có NVSP	Tiếng Anh B	ƯDTHCB	Đạt		87,5	87,5	Trúng tuyển
02	NV THCS 204	Tôn Nữ Thanh Thái	Nữ	20/02/1985	Kinh		ĐH	SP Ngữ Văn		Tiếng Anh A2	ƯDTHCB	Đạt		83,0	83,0	Trúng tuyển
03	NV THCS 206	Thái Nguyễn Cao Vy	Nữ	06/09/1995	Kinh		ĐH	Cử nhân Văn học	Có NVSP	Tiếng Anh B1	ƯDTHCB	Đạt		81,5	81,5	Trúng tuyển
II		Giáo viên Toán THCS														
01	TO THCS 184	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	14/07/1994	Kinh		ĐH	SP Toán		Tiếng Anh B1	ƯDTHCB	Đạt		83,5	83,5	Trúng tuyển
02	TO THCS 195	Nguyễn Thị Tuyết Thảo	Nữ	04/08/1993	Kinh		CD	SP Toán		Tiếng Anh B	A	Đạt		83,0	83,0	Trúng tuyển
03	TO THCS 185	Lê Thị Thu Hà	Nữ	14/07/1994	Kinh		ĐH	SP Toán		Tiếng Anh B1	ƯDTHCB	Đạt		81,5	81,5	Trúng tuyển
III		Giáo viên Hóa học THCS														
01	HH THCS 170	Lê Thị Hạnh	Nữ	22/11/1995	Kinh	Con TB	ĐH	SP Hóa học		Tiếng Anh B	ƯDTHCB	Đạt	5,0	82,0	87,0	Trúng tuyển
IV		Giáo viên Vật lý THCS														
01	VL THCS 210	Trần Thị Vương	Nữ	16/12/1994	Kinh		ĐH	SP Vật lý		Tiếng Anh B	B	Đạt		79,5	79,5	Trúng tuyển

20

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo					Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm	Kết quả
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Chứng chỉ NVSP	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn		
V		Giáo viên Tiếng anh THCS														
01	TA THCS 168	Đào Hoài Thương	Nữ	26/05/1993	Kinh		CĐ	Tiếng Anh	Có NVSP	Tiếng pháp A1	ƯDTHCB	Đạt		74,5	74,5	Trúng tuyển
VI		Giáo viên Tin học THCS														
01	TH THCS 180	Cao Thị Mỹ	Nữ	14/01/1987	Kinh		ĐH	Tin học	Có NVSP	Tiếng Anh B	Tin học	Đạt		71,0	71,0	Trúng tuyển
02	TH THCS 177	Võ Văn Duyên	Nam	07/03/1990	Kinh		ĐH	CNTT	Có NVSP	Tiếng Anh B	CNTT	Đạt		70,5	70,5	Trúng tuyển
03	TH THCS 178	Phạm Thị Thu Hằng	Nữ	20/09/1990	Kinh		ĐH	CNTT	Có NVSP	Tiếng Anh B	CNTT	Đạt		68,5	68,5	Trúng tuyển
TỔNG SỐ 12 THÍ SINH																

Uđ

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK NĂM 2019 (DIỆN KHÔNG ĐẶC CÁCH)**

VỊ TRÍ VIỆC LÀM: KẾ TOÁN

(Kèm theo Thông báo số 133 /TB-UBND ngày 29 tháng 06 năm 2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm	Kết quả
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn		
I		KẾ TOÁN MẦM NON													
01	KT MN 217	Đặng Thị Tâm	Nữ	30/11/1989	Kinh		TC	Kế toán - DNSX	Tiếng Anh B	A	Đạt		75,0	75,0	Trúng tuyển
02	KT MN 216	Bùi Tiến Sỹ	Nam	17/09/1990	Kinh		ĐH	Kế toán	Tiếng Anh B	B	Đạt		73,0	73,0	Trúng tuyển
03	KT MN 211	Lê Thị Hằng	Nữ	14/03/1987	Kinh		TC	Kế toán	Tiếng Anh B	A	Đạt		71,0	71,0	Trúng tuyển
II		KẾ TOÁN TIỂU HỌC													
01	KT TH 220	Vũ Thị Hồng Thắm	Nữ	05/08/1992	Kinh		TC	Tài chính - Ngân hàng	Tiếng Anh A	A	Đạt		68,5	68,5	Trúng tuyển
III		KẾ TOÁN THCS													
01	KT THCS 222	Đặng Thanh Tùng	Nam	14/08/1990	Kinh		ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Tiếng Anh B	B	Đạt		66,0	66,0	Trúng tuyển
TỔNG SỐ 05 THÍ SINH															

Ưd

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK NĂM 2019 (DIỆN KHÔNG ĐẶC CÁCH)
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: VĂN THƯ, LƯU TRỮ**

(Kèm theo Tờ trình số 133 /TTr-UBND ngày 29 tháng 06 năm 2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm	Kết quả
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn		
I		VĂN THƯ MẦM NON													
01	VT MN 224	Mai Thị Trang	Nữ	11/05/1981	Kinh		TC	Hành chính văn thư	Tiếng Anh B	B	Đạt		74,0	74,0	Trúng tuyển
II		VĂN THƯ TIỂU HỌC													
01	VT TH 225	Nguyễn Vũ Như Oanh	Nữ	02/09/1988	Kinh		TC	Văn thư	Tiếng Anh B	B	Đạt		80,5	80,5	Trúng tuyển
III		VĂN THƯ THCS													
01	VT THCS 227	Đinh Thị Ngân	Nữ	02/01/1990	Kinh		TC	Hành chính Văn thư	Tiếng Anh B	A	Đạt		61,0	61,0	Trúng tuyển
IV		LƯU TRỮ VIÊN													
01	LT 230	Vũ Thị Nhung	Nữ	11/09/1982	Kinh		TC	Văn thư lưu trữ	Tiếng Anh B	B	Đạt		80,0	80,0	Trúng tuyển
TỔNG SỐ 04 THÍ SINH															

UK

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK NĂM 2019 (DIỆN KHÔNG ĐẶC CÁCH)
VỊ TRÍ VIỆC LÀM: PHÓNG VIÊN, PHÁT THANH VIÊN**

(Kèm theo Thông báo số 133 /TB-UBND ngày 29 tháng 06 năm 2020 của UBND huyện Krông Búk)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Điện ưu tiên	Trình độ đào tạo				Vòng 1	Vòng 2		Tổng điểm	Kết quả
							Trình độ	Chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học		Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn		
I		PHÓNG VIÊN													
01	PV 228	Nguyễn Bá Tùng	Nam	27/04/1990	Kinh		ĐH	Báo chí	Tiếng Anh A2	UDTHCB	Đạt		83,0	83,0	Trúng tuyển
II		PHÁT THANH VIÊN													
01	PTV 229	Lê Thị Ngọc	Nữ	10/12/1992	Kinh		ĐH	Ngữ văn	Tiếng Anh A2	UDTHCB	Đạt		85,0	85,0	Trúng tuyển
TỔNG SỐ 02 THÍ SINH															

VL